

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1805** /BTC-TCT
V/v lấy ý kiến dự thảo Nghị
định gia hạn thời hạn nộp thuế
và tiền thuê đất

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2025

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Nội vụ;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát thủ tục hành chính);
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Thực hiện quyết nghị của Chính phủ tại Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 12/11/2024 về Nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2024 và Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 1148/BTC-TCT ngày 24/01/2025 báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép xây dựng Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2025; Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước theo trình tự, thủ tục rút gọn và các Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ngày 05/02/2025, Văn phòng Chính phủ có công văn số 877/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc đồng ý áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đề xuất của Bộ Tài chính tại công văn số 1148/BTC-TCT ngày 24/01/2025. Bộ Tài chính khẩn trương chủ trì, phối hợp Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan liên quan, khẩn trương xây dựng, hoàn thiện các dự thảo Nghị định trên theo quy định, trình Chính phủ trong trước ngày 28 tháng 2 năm 2025.

Bộ Tài chính dự thảo Tờ trình Chính phủ ban hành Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2025 theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Chương XII Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 63/2020/QH14).

Kính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị có ý kiến tham gia gửi về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) **trước ngày 19/02/2025**, đồng thời gửi file mềm tham gia ý kiến

về địa chỉ email: pthong@gdt.gov.vn, đề Bộ Tài chính kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo kế hoạch.

Trân trọng sự phối hợp công tác của Quý cơ quan, đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng website);
- Công TTĐT Bộ Tài chính (để đăng website);
- Cục QLGS CST;
- Vụ PC – BTC;
- Lưu VT, TCT (VT, CS).

10

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2025

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; thực hiện phân công của Chính phủ tại Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ về Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2024, Bộ Tài chính trình Chính phủ dự thảo Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2025 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Tại tiết 2 điểm b mục 1 phần I Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ về Nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2024 giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương tổng kết, đánh giá và tham mưu, đề xuất ban hành chính sách gia hạn thuế trong năm 2025 để có thể triển khai ngay từ đầu năm.

Tại điểm a khoản 2 mục II Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 có nêu: "Nghiên cứu, đánh giá đề đề xuất, xem xét việc kéo dài các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất...hỗ trợ tăng trưởng, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh."

Theo quy định tại Điều 63 Luật Quản lý thuế, Chính phủ quyết định việc gia hạn nộp thuế cho các đối tượng, ngành, nghề kinh doanh gặp khó khăn đặc biệt trong từng thời kỳ nhất định. Việc gia hạn nộp thuế không dẫn đến điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước đã được Quốc hội quyết định.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong các năm qua, trước ảnh hưởng của dịch Covid-19 và tác động của các vấn đề kinh tế, chính trị quốc tế đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân. Theo chức năng quản lý, Bộ Tài chính đã chủ động nghiên cứu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền cũng như ban hành theo thẩm

quyền các giải pháp trong lĩnh vực tài chính, đặc biệt là các giải pháp về gia hạn, miễn, giảm các khoản thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, người dân, góp phần đẩy nhanh quá trình phục hồi và phát triển của nền kinh tế.

Từ năm 2020 đến năm 2024, hằng năm Chính phủ đều ban hành Nghị định quy định về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cân đối nguồn tài chính để tập trung hồi phục sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.¹

Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chính sách gia hạn nộp thuế trong các năm qua như sau: Số thuế được gia hạn năm 2022 theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP khoảng 107.000 tỷ đồng. Số thuế được gia hạn năm 2023 theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP khoảng 97.000 tỷ đồng. Số thuế được gia hạn năm 2024 theo Nghị định số 64/2024/NĐ-CP khoảng 78.000 tỷ đồng.

Tính đến thời điểm ngày 06/01/2025, số thuế được gia hạn của năm 2022 và 2023 đã được nộp ngân sách nhà nước với tỷ lệ cụ thể như sau: Đối với thuế TTĐB được gia hạn đã được nộp đủ (100%) vào ngân sách nhà nước. Đối với tiền thuê đất, năm 2022 tỉ lệ thu hồi số được gia hạn đạt 99,2%, năm 2023 tỉ lệ thu hồi số được gia hạn đạt 98,2%. Đối với các khoản thuế còn lại (GTGT, TNDN, TNCN), năm 2022 tỉ lệ thu hồi số được gia hạn đạt 99,4%, năm 2023 tỉ lệ thu hồi số được gia hạn đạt 97,9%.

Số tiền thuế và tiền thuê đất được gia hạn trong năm 2024 đã được nộp ngân sách nhà nước với tỷ lệ cụ thể như sau: Thuế TTĐB đạt xấp xỉ 100%, thuế GTGT đạt 41,1%, thuế TNDN đạt 87,6%, tiền thuê đất đạt 40,2%, tiền thuế GTGT và thuế TNCN của hộ kinh doanh đạt 62,1%. Hiện nay, cơ quan thuế đang quyết liệt thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ đọng còn lại của các trường hợp được gia hạn trong năm 2024.

Mặc dù tình hình kinh tế vĩ mô năm 2024 đã có sự tăng trưởng tương đối khả quan. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Ổn định kinh tế vĩ mô còn tiềm ẩn rủi ro và chịu nhiều áp lực lớn; tăng trưởng tín dụng còn khó khăn, nợ xấu có nguy cơ gia tăng; giải ngân vốn đầu tư công thấp hơn so với cùng kỳ năm 2023. Thị trường bất động sản đã có chuyển biến nhưng chưa rõ nét; áp lực lớn trả nợ trái phiếu doanh nghiệp đến hạn. Sản xuất nông nghiệp, du lịch tại một số địa phương bị ảnh hưởng nặng nề do thiên

¹ Về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất, Chính phủ đã ban hành các Nghị định: Nghị định số 41/2020/NĐ-CP, Nghị định số 52/2021/NĐ-CP, Nghị định số 34/2022/NĐ-CP, Nghị định số 12/2023/NĐ-CP, Nghị định số 64/2024/NĐ-CP.

tai, bão lũ ; sức ép cạnh tranh gia tăng. Xuất khẩu dự báo khó khăn hơn trong thời gian tới do yếu tố bên ngoài. Nhiều dự án gặp khó khăn, vướng mắc về pháp lý nhưng chưa được kịp thời tháo gỡ.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh trong một số ngành, lĩnh vực còn khó khăn, sản lượng giảm hoặc không tăng so với năm 2023 như ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, khai thác dầu thô và khí thiên nhiên, sản xuất sắt thép, sản xuất máy công cụ, sản xuất thuốc lá điếu, sản xuất đồ uống,...Ngành du lịch chưa khởi sắc do số lượt khách du lịch nội địa tăng chậm (tăng 1,7% so với năm 2023), sản xuất ô tô chỉ tăng 2,94% so với năm 2023.

Như vậy, để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo đà thúc đẩy phát triển kinh tế, trong khi vẫn phải đảm bảo giảm thiểu tác động cân đối ngân sách nhà nước (không dẫn đến điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước đã được Quốc hội quyết định) thì cần thiết có giải pháp về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất, đảm bảo phù hợp với thẩm quyền được giao của Chính phủ theo quy định tại Điều 63 Luật Quản lý thuế.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Góp phần tiếp tục hỗ trợ, giảm bớt khó khăn cho các doanh nghiệp, cá nhân tập trung vốn vào sản xuất, kinh doanh, tạo đà thúc đẩy phát triển kinh tế.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

- Hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp và người dân gặp khó khăn thông qua giảm chi phí tài chính, hỗ trợ thanh khoản và dòng tiền.

- Cơ bản đảm bảo cân đối ngân sách nhà nước ở cả Trung ương và các địa phương so với dự toán Quốc hội đã thông qua.

- Phù hợp thẩm quyền của Chính phủ theo quy định.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Dự thảo Nghị định quy định việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng quy định tại dự thảo Nghị định bao gồm: Người nộp thuế; cơ quan thuế; công chức thuế; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Ngày 24/01/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 1148/BTC-TCT báo

cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép xây dựng Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2025; Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước theo trình tự, thủ tục rút gọn và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ngày 05/02/2025, Văn phòng Chính phủ có công văn số 877/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phúc đồng ý áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đề xuất của Bộ Tài chính tại công văn số 1148/BTC-TCT ngày 24/01/2025. Bộ Tài chính khẩn trương chủ trì, phối hợp Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan liên quan, khẩn trương xây dựng, hoàn thiện các dự thảo Nghị định trên theo quy định, trình Chính phủ trong trước ngày 28 tháng 2 năm 2025.

Ngày, Bộ Tài chính có công văn số/BTC-TCT gửi Bộ Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị định gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất. Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số/BCTĐ-BTP đề ngày về dự thảo Nghị định.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ hồ sơ dự thảo Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2025 như sau:

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 06 Điều như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Đối tượng được gia hạn

Điều 4. Gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất

Điều 5. Trình tự, thủ tục gia hạn

Điều 6. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản

a) Đối tượng được gia hạn

Bộ Tài chính đề xuất đối tượng được gia hạn như sau:

Tiếp tục gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất đối với các đối tượng quy định tại Điều 3 Nghị định số 64/2024/NĐ-CP ngày 17/6/2024 của Chính phủ.

b) Cơ chế gia hạn

Bộ Tài chính đề xuất phạm vi của chính sách là gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất như Nghị định số 64/2024/NĐ-CP.

c) Về thời gian thực hiện (trong năm 2025)

- Đối với thuế giá trị gia tăng

Bộ Tài chính đề xuất như sau: Gia hạn 06 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 2, tháng 3 năm 2025 và quý I năm 2025; gia hạn là 05 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2025 và quý II năm 2025.

Đánh giá tác động: Thực hiện theo phương án nêu trên, thì tổng số thuế GTGT gia hạn khoảng 62.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, số thu ngân sách nhà nước (NSNN) của năm 2025 không giảm do doanh nghiệp phải thực hiện nộp vào NSNN chậm nhất là ngày 31/12/2025.

- Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp

Bộ Tài chính đề nghị: Gia hạn 05 tháng đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý I và quý II kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025.

Đánh giá tác động: Thực hiện theo phương án trên, ước tính số thuế TNDN tạm nộp quý I và quý II của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 được gia hạn khoảng 36.000 tỷ đồng.

- Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Để tháo gỡ khó khăn cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, Bộ Tài chính đề xuất: Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với số tiền thuế phát sinh phải nộp năm 2025 của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp số tiền thuế được gia hạn tại khoản này chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Đánh giá tác động: Số thuế hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được gia hạn là khoảng 350 tỷ đồng, nhưng số thu ngân sách nhà nước của năm 2025 không giảm do hộ, cá nhân kinh doanh phải thực hiện nộp vào NSNN chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2025.

- Đối với tiền thuê đất

Theo quy định hiện hành tại Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế thì thời hạn nộp tiền thuê đất hàng năm là 02 kỳ (kỳ thứ nhất nộp 50% chậm nhất là ngày 31 tháng 5; kỳ thứ hai nộp đủ phần còn lại chậm nhất là ngày 31 tháng 10 hàng năm). Bộ Tài chính đề nghị: Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với 50% số tiền thuê đất phát sinh phải nộp năm 2025 của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Điều 3

Nghị định này đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Thời gian gia hạn là 6 tháng kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2025.

Đánh giá tác động: Dự kiến số tiền thuê đất được gia hạn khoảng 3.600 tỷ đồng; tuy nhiên, số thu NSNN của năm 2025 không giảm.

Như vậy, ước tính tổng số thuế được gia hạn theo các chính sách tại dự thảo Nghị định là gần **102.000 tỷ đồng**.

d) Tổ chức thực hiện

Do đây là giải pháp cấp bách cần ban hành ngay để kịp thời hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân; căn cứ ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số/VPCP-KTTH ngày về việc đồng ý áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với việc xây dựng, ban hành Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2025 theo đề xuất của Bộ Tài chính; căn cứ quy định tại Khoản 48 Điều 1 Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tài chính trình Chính phủ cho phép quy định Nghị định có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Về trách nhiệm thi hành:

+ Đối với Bộ Tài chính: Nội dung của Nghị định đã quy định chi tiết để các doanh nghiệp có thể áp dụng ngay. Tuy nhiên, để tránh trường hợp phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho phép giao thẩm quyền cho Bộ Tài chính hướng dẫn nếu trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc.

+ Đối với các Bộ ngành: Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị định.

+ Đối với các địa phương: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phối hợp với cơ quan thuế để triển khai thực hiện Nghị định.

VI. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

Nội dung dự thảo Nghị định không có quy định nào mang tính phân biệt đối xử hay cản trở việc thi hành các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trong đó có cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)...

VII. ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Đánh giá thủ tục hành chính

Thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định là kế thừa quy định hiện hành về thủ tục gia hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và đã được thực hiện từ năm 2020 đến năm 2024 theo các Nghị định của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất nhằm hỗ trợ sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; trong quá trình thực hiện không phát sinh vướng mắc.

2. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Nghị định

Nội dung dự thảo Nghị định không có quy định phải thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, không có quy định tạo ra sự phân biệt về giới.

VIII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Dự kiến nguồn lực cho việc thi hành Nghị định

Việc triển khai Nghị định thuộc trách nhiệm của cơ quan thuế và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Cơ quan thuế là các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động (từ ngân sách Trung ương).

Đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác (ở trung ương cũng như địa phương) có nhiệm vụ tham gia với cơ quan thuế trên một số nhiệm vụ, kinh phí hoạt động của các cơ quan này được ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đảm bảo.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Tại dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể đối tượng áp dụng, nội dung chính sách gia hạn đối với từng loại thuế và thủ tục thực hiện. Căn cứ quy định tại Nghị định và pháp luật về quản lý thuế, các đối tượng thụ hưởng sẽ tự xác định, tự kê khai số thuế được gia hạn dựa trên điều kiện thực tế của doanh nghiệp mình, đảm bảo việc thực hiện công khai, minh bạch và thuận lợi. Bộ Tài chính không ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định.

- Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn thực hiện Nghị định: Xây dựng nội dung và thông tin bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau về các quy định của Nghị định đến cán bộ thuế, các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Bộ Tài chính chỉ đạo cơ quan Thuế bố trí nguồn nhân lực hiện có, nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền giao để hoàn

thiện cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ thông tin, xây dựng quy trình nghiệp vụ phục vụ thi hành Nghị định.

Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thuê đất trong năm 2025; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thuê đất trong năm 2025; Bản đánh giá thủ tục hành chính của dự thảo nghị định)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Lãnh đạo Bộ;
- Cục CST, Vụ PC, Cục QLCS;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/ND-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo lần 2

NGHỊ ĐỊNH

Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2025

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024.

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2025.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng quy định tại Nghị định này bao gồm: Người nộp thuế; cơ quan thuế; công chức thuế; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Đối tượng được gia hạn

1. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động sản xuất trong các ngành kinh tế sau:

a) Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

b) Sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tét bện; sản

xuất giấy và sản phẩm từ giấy; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất kim loại; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;

c) Xây dựng;

d) Hoạt động xuất bản; hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc;

d) Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên (không gia hạn đối với thuế thu nhập doanh nghiệp của dầu thô, condensate, khí thiên nhiên thu theo hiệp định, hợp đồng);

e) Sản xuất đồ uống; in, sao chép bản ghi các loại; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); sản xuất mô tô, xe máy; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị;

g) Thoát nước và xử lý nước thải.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động kinh doanh trong các ngành kinh tế sau:

a) Vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; hoạt động kinh doanh bất động sản;

b) Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;

c) Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; hoạt động thể thao, vui chơi giải trí; hoạt động chiếu phim;

d) Hoạt động phát thanh, truyền hình; lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính; hoạt động dịch vụ thông tin;

d) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng.

Danh mục ngành kinh tế nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xác định theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

Phân ngành kinh tế theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg gồm 5 cấp và việc xác định ngành kinh tế được áp dụng theo nguyên tắc: Trường hợp tên ngành kinh tế nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thuộc ngành cấp 1 thì ngành kinh tế được áp dụng quy định gia hạn bao gồm tất cả các ngành kinh tế thuộc phân cấp 2, cấp 3, cấp 4, cấp 5 của ngành cấp 1; trường hợp thuộc ngành cấp 2 thì ngành kinh tế được áp dụng quy định gia hạn bao gồm tất cả các ngành kinh tế thuộc phân cấp 3, cấp 4, cấp 5 của ngành cấp 2; trường hợp thuộc ngành cấp 3 thì ngành kinh tế được áp dụng quy định gia hạn bao gồm tất cả các ngành kinh tế thuộc phân cấp 4, cấp 5 của ngành cấp 3; trường hợp thuộc ngành cấp 4 thì ngành kinh tế được áp dụng quy định gia hạn bao gồm tất cả các ngành kinh tế thuộc phân cấp 5 của ngành cấp 4.

3. Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; sản phẩm cơ khí trọng điểm.

Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được xác định theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; sản phẩm cơ khí trọng điểm được xác định theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

4. Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ được xác định theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Ngành kinh tế, lĩnh vực của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này là ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát sinh doanh thu trong năm 2024 hoặc 2025.

Điều 4. Gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất

1. Đối với thuế giá trị gia tăng (trừ thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu)

a) Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế giá trị gia tăng phát sinh phải nộp (bao gồm cả số thuế phân bổ cho các địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính, số thuế nộp theo từng lần phát sinh) của kỳ tính thuế

từ tháng 2 đến tháng 6 năm 2025 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo tháng) và kỳ tính thuế quý I năm 2025, quý II năm 2025 (đối với trường hợp kê khai thuế giá trị gia tăng theo quý) của các doanh nghiệp, tổ chức nêu tại Điều 3 Nghị định này. Thời gian gia hạn là 06 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 2, tháng 3 năm 2025 và quý I năm 2025, thời gian gia hạn là 05 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng của tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2025 và quý II năm 2025. Thời gian gia hạn tại điểm này được tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Các doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được gia hạn thực hiện kê khai, nộp Thuế giá trị gia tăng tháng, quý theo quy định của pháp luật hiện hành, nhưng chưa phải nộp số thuế giá trị gia tăng phải nộp phát sinh trên tờ khai thuế giá trị gia tăng đã kê khai. Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của tháng, quý được gia hạn như sau:

Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 2 năm 2025 chậm nhất là ngày 20 tháng 9 năm 2025.

Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 3 năm 2025 chậm nhất là ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 4 năm 2025 chậm nhất là ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 5 năm 2025 chậm nhất là ngày 20 tháng 11 năm 2025.

Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế tháng 6 năm 2025 chậm nhất là ngày 20 tháng 12 năm 2025.

Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế quý I năm 2025 chậm nhất là ngày 31 tháng 10 năm 2025.

Thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế quý II năm 2025 chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2025.

b) Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức nêu tại Điều 3 Nghị định này có các chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện khai thuế giá trị gia tăng riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng. Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, tổ chức nêu tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này không có hoạt động sản

xuất kinh doanh thuộc ngành kinh tế, lĩnh vực được gia hạn thì chi nhánh, đơn vị trực thuộc không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng.

2. Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý I và quý II kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 của doanh nghiệp, tổ chức thuộc đối tượng được quy định tại Điều 3 Nghị định này. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

b) Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức nêu tại Điều 3 Nghị định này có các chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện khai thuế thu nhập doanh nghiệp riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, tổ chức nêu tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này không có hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành kinh tế, lĩnh vực được gia hạn thì chi nhánh, đơn vị trực thuộc không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Đối với thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với số tiền thuế phải nộp phát sinh năm 2025 của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các ngành kinh tế, lĩnh vực nêu tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nộp số tiền thuế được gia hạn tại khoản này chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2025.

4. Đối với tiền thuê đất

Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với 50% số tiền thuê đất phát sinh phải nộp năm 2025 (số phải nộp kỳ thứ nhất năm 2025) của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Điều 3 Nghị định này đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Thời gian gia hạn là 06 tháng kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2025.

Quy định này áp dụng cho cả trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhiều Quyết định, Hợp đồng thuê đất trực tiếp của nhà nước

và có nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh khác nhau trong đó có ngành kinh tế, lĩnh vực quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều ngành kinh tế khác nhau trong đó có ngành kinh tế, lĩnh vực quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này thì: doanh nghiệp, tổ chức được gia hạn toàn bộ số thuế giá trị gia tăng, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được gia hạn toàn bộ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo hướng dẫn tại Nghị định này.

Điều 5. Trình tự, thủ tục gia hạn

1. Người nộp thuế trực tiếp kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế thuộc đối tượng được gia hạn gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (sau đây gọi là Giấy đề nghị gia hạn) lần đầu hoặc thay thế khi phát hiện có sai sót (bằng phương thức điện tử; gửi bản giấy trực tiếp đến cơ quan thuế hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ số thuế, tiền thuê đất phát sinh trong các kỳ tính thuế được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế theo tháng (hoặc theo quý) theo quy định pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp Giấy đề nghị gia hạn không nộp cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tháng (hoặc theo quý) thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 31 tháng 5 năm 2025, cơ quan thuế vẫn thực hiện gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất của các kỳ phát sinh được gia hạn trước thời điểm nộp Giấy đề nghị gia hạn.

Trường hợp người nộp thuế có các khoản được gia hạn thuộc nhiều địa bàn cơ quan thuế quản lý khác nhau thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế có trách nhiệm truyền thông tin gửi Giấy đề nghị gia hạn cho cơ quan thuế quản lý có liên quan.

2. Người nộp thuế tự xác định và chịu trách nhiệm về việc đề nghị gia hạn đảm bảo đúng đối tượng được gia hạn theo Nghị định này. Nếu người nộp thuế gửi Giấy đề nghị gia hạn cho cơ quan thuế sau ngày 31 tháng 5 năm 2025 thì không được gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế được gia hạn dẫn đến làm tăng số phải nộp và gửi đến cơ quan thuế trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn thì số thuế được gia hạn bao gồm cả số phải nộp tăng thêm do khai bổ sung. Nếu người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế

của kỳ tính thuế được gia hạn sau khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn thì không được gia hạn số phải nộp tăng thêm do khai bổ sung.

3. Cơ quan thuế không phải thông báo cho người nộp thuế về việc chấp nhận gia hạn nộp thuế và tiền thuế đất. Trường hợp trong thời gian gia hạn, cơ quan thuế có cơ sở xác định người nộp thuế không thuộc đối tượng gia hạn thì cơ quan thuế có văn bản thông báo cho người nộp thuế về việc không gia hạn và người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế, tiền thuế đất và tiền chậm nộp trong khoảng thời gian đã thực hiện gia hạn vào ngân sách nhà nước. Trường hợp sau khi hết thời gian gia hạn, qua thanh tra, kiểm tra cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện người nộp thuế không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế, tiền thuế đất theo quy định tại Nghị định này thì người nộp thuế phải nộp số tiền thuế còn thiếu, tiền phạt và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Không tính tiền chậm nộp đối với số tiền thuế, tiền thuế đất được gia hạn trong khoảng thời gian được gia hạn thời hạn nộp (bao gồm cả trường hợp người nộp thuế gửi Giấy đề nghị gia hạn cho cơ quan thuế sau khi đã nộp hồ sơ khai thuế theo quy định tại khoản 1 Điều này và trường hợp cơ quan có thẩm quyền qua kiểm tra, thanh tra xác định người nộp thuế được gia hạn có số phải nộp tăng thêm của các kỳ tính thuế được gia hạn). Trường hợp cơ quan thuế đã tính tiền chậm nộp (nếu có) đối với các hồ sơ thuế thuộc trường hợp được gia hạn theo quy định tại Nghị định này thì cơ quan thuế thực hiện điều chỉnh, không tính tiền chậm nộp.

5. Chủ đầu tư các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các khoản thanh toán từ nguồn ngân sách nhà nước cho các công trình xây dựng cơ bản của các dự án sử dụng vốn ODA thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng khi làm thủ tục thanh toán với Kho bạc Nhà nước phải gửi kèm thông báo cơ quan thuế đã tiếp nhận Giấy đề nghị gia hạn hoặc Giấy đề nghị gia hạn có xác nhận đã gửi cơ quan thuế của nhà thầu thực hiện công trình. Kho bạc Nhà nước căn cứ trên hồ sơ do chủ đầu tư gửi để chưa thực hiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng trong thời gian gia hạn. Khi hết thời gian gia hạn, nhà thầu phải nộp đủ số thuế được gia hạn theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Sau thời gian gia hạn theo Nghị định này, thời hạn nộp thuế và tiền thuế đất được thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai và xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hồ Đức Phúc

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP
ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỘP THUẾ
VÀ TIỀN THUẾ ĐẤT**

Lần đầu Thay thế

Kính gửi: Cơ quan thuế.....

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[03] Địa chỉ:

[04] Số điện thoại:

[05] Tên đại lý thuế (nếu có):

[06] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[07] Loại thuế đề nghị gia hạn:

a) Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp, tổ chức

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp, tổ chức

c) Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

d) Tiền thuê đất (kê chi tiết địa chỉ từng khu đất thuê thuộc đối tượng gia hạn tiền thuê đất)

- Khu đất 1 theo Quyết định/Hợp đồng số....., ngày.../.../.....

- Khu đất 2 theo Quyết định/Hợp đồng số....., ngày.../.../.....

....

[08] Trường hợp được gia hạn:.....

I. DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ SIÊU NHỎ

1. Doanh nghiệp nhỏ:

Lĩnh vực hoạt động	Số lao động	Doanh thu (VNĐ)	Nguồn vốn (VNĐ)

2. Doanh nghiệp siêu nhỏ:

Lĩnh vực hoạt động	Số lao động	Doanh thu (VNĐ)	Nguồn vốn (VNĐ)

II. DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC, HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LĨNH VỰC:

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

2. Sản xuất, chế biến thực phẩm; 3. Dệt; 4. Sản xuất trang phục; 5. Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; 6. Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; 7. Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; 8. Sản xuất sản phẩm từ cao su và Plastic; 9. Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; 10. Sản xuất kim loại; 11. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; 12. Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; 13. Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; 14. Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;

15. Xây dựng;

16. Vận tải kho bãi; 17. Dịch vụ lưu trú và ăn uống; 18. Giáo dục và đào tạo; 19. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; 20. Hoạt động kinh doanh bất động sản; 21. Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; 22. Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;

23. Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; 24. Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác; 25. Hoạt động thể thao, vui chơi giải trí;

26. Hoạt động chiếu phim;

27. Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển;

28. Sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm;

29. Hoạt động xuất bản; 30. Hoạt động điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc;

31. Hoạt động phát thanh, truyền hình;

32. Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính; 33. Hoạt động dịch vụ thông tin;

34. Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên (không gia hạn đối với thuế thu nhập doanh nghiệp của dầu thô, condensate, khí thiên nhiên thu theo hiệp định, hợp đồng);

35. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng;

36. Sản xuất đồ uống;

37. In, sao chép bản ghi các loại;

38. Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế;

39. Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất;

40. Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị);

41. Sản xuất mô tô, xe máy;

42. Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị;

43. Thoát nước và xử lý nước thải.

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai; tôi cam kết nộp đầy đủ số tiền thuế theo thời hạn nộp thuế được gia hạn.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

...., ngày.....tháng...năm...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

- Mục I: NNT tự xác định theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Mục II: NNT tự xác định theo quy định tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 15/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế, tiền thuế đất chỉ gửi 01 lần cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp cho toàn bộ số thuế, tiền thuế đất phát sinh trong các kỳ tính thuế được gia hạn. Phương thức nộp người nộp thuế lựa chọn như sau:

+ Người nộp thuế nộp theo phương thức điện tử gửi tới Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

+ Người nộp thuế nộp trực tiếp tới cơ quan thuế hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính.

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH
gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và
tiền thuê đất trong năm 2025

I. Xác định vấn đề tổng quan

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thuê đất trong năm 2025, Tổng cục Thuế đã rất quan tâm tới công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi nhất cho người nộp thuế thực hiện. Theo đó, trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, quy định về thủ tục hành chính được yêu cầu thực hiện:

- *Đánh giá tác động của thủ tục hành chính* tập trung vào sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp của thủ tục hành chính cũng như tính các chi phí mà người nộp thuế phải bỏ ra khi thực hiện thủ tục hành chính dự kiến ban hành để cân nhắc, lựa chọn phương án, giải pháp tối ưu cho việc ban hành thủ tục hành chính.

- *Tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính* đã chú trọng vào việc lượng hóa các chi phí mà người nộp thuế phải bỏ ra khi thực hiện thủ tục hành chính đã ban hành hoặc dự kiến ban hành, qua đó đưa ra các giải pháp triển khai thực hiện thủ tục hành chính phù hợp với quy định và tình hình triển khai thực tế của cơ quan thuế và các cơ quan liên quan, đảm bảo chi phí mà người nộp thuế phải bỏ ra là thấp nhất.

Dự thảo Nghị định có 01 thủ tục hành chính là: Gia hạn nộp thuế.

Người nộp thuế trực tiếp kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế thuộc đối tượng được gia hạn gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (sau đây gọi là Giấy đề nghị gia hạn) lần đầu hoặc thay thế khi phát hiện có sai sót (bằng phương thức điện tử; gửi bản giấy trực tiếp đến cơ quan thuế hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ số thuế, tiền thuê đất phát sinh trong các kỳ tính thuế được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế theo tháng (hoặc theo quý) theo quy định pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp Giấy đề nghị gia hạn không nộp cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tháng (hoặc theo quý) thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 31 tháng 5 năm 2025, cơ quan thuế vẫn thực hiện gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất của các kỳ phát sinh được gia hạn trước thời điểm nộp Giấy đề nghị gia hạn.

Thủ tục này kế thừa quy định tại Nghị định số 41/2020/NĐ-CP, Nghị định số 52/2021/NĐ-CP, Nghị định số 34/2022/NĐ-CP, Nghị định số 12/2023/NĐ-CP, Nghị định số 64/2024/NĐ-CP.

II. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính

Tổng cục Thuế đã tổng hợp kết quả đánh giá tác động đối với các thủ tục hành chính dự kiến được sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Nghị định theo Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Tóm tắt kết quả đánh giá như sau:

- Sự cần thiết của quy định về thủ tục hành chính: Cơ quan thuế xác định đối tượng được gia hạn nhằm quản lý thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

- Đánh giá tính hợp pháp của thủ tục hành chính: Được ban hành theo đúng thẩm quyền tại Điều 63 Luật Quản lý thuế.

- Đánh giá tính hợp lý của thủ tục hành chính:

+ Tên thủ tục hành chính: Gia hạn nộp thuế.

+ Bộ phận cấu thành TTHC: Quy định rõ ràng trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; thời hạn giải quyết; đối tượng thực hiện; cơ quan giải quyết; phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có); mẫu đơn, tờ khai; yên cầu, điều kiện.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới: không đáng kể do việc lập Giấy đề nghị và nộp cho cơ quan thuế được thực hiện trực tuyến bằng hệ thống kê khai thuế điện tử.

III. Lấy ý kiến

Theo quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hồ sơ dự thảo Nghị định đã được lấy ý kiến Văn phòng Chính phủ.

(Bản đánh giá tác động đính kèm).

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2025

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Gia hạn nộp thuế

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	1. Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019
	2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính
	3. Khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính: Gia hạn nộp thuế	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ ràng tên thủ tục.
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ ràng trình tự các bước thực hiện thủ tục.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Đã quy định rõ ràng trách nhiệm của người nộp thuế và cơ quan thuế tại từng bước thực hiện.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Thủ tục chỉ do 01 cơ quan giải quyết nên không áp dụng cơ chế liên thông.
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: Lý do quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:

3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện tử <input checked="" type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/>	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Người nộp thuế trực tiếp kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế thuộc đối tượng được gia hạn gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (sau đây gọi là Giấy đề nghị gia hạn) lần đầu hoặc thay thế khi phát hiện có sai sót (bằng phương thức điện tử; gửi bản giấy trực tiếp đến cơ quan thuế hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Việc gửi thông báo qua 01 trong 03 hình thức nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế và cơ quan thuế.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất	- Nêu rõ lý do quy định: Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định. - Yêu cầu về hình thức: Bản chính Lý do quy định: Là văn bản chính thức do người nộp thuế tự khai, tự chịu trách nhiệm.
b) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ:
d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 (bộ)	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
5. Thời hạn giải quyết: Không trả kết quả cho người nộp thuế	
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/> Mô tả rõ: Lý do quy định: Người nộp thuế trực tiếp kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế thuộc đối tượng được gia hạn. - Cá nhân: Trong nước <input type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/> Mô tả rõ: Lý do quy định: - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Đã quy định đầy đủ về đối tượng được gia hạn theo quy định tại Điều 3 dự thảo Nghị định.
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/>

	<p>- Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></p> <p>- Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: Đã quy định đầy đủ về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 1, Điều 2 dự thảo Nghị định.</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Đã quy định đầy đủ về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 1, Điều 2 dự thảo Nghị định.</p>
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 121.000	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: Thông báo gửi tới cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Hệ thống thông tin quản lý thuế của cơ quan thuế là tập trung và có sự chuyển hồ sơ nội bộ ngành thuế nên các cơ quan thuế không quản lý trực tiếp người nộp thuế mà chỉ quản lý khoản thu cũng nắm được thông tin Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế do người nộp thuế gửi để thực hiện gia hạn.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	<p>- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu có, nêu rõ lý do: </p> <p>- Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có nêu rõ lý do: </p> <p>- Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do: </p> <p>- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo): Không</p> <p>+ Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): </p> <p>+ Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): </p> <p>+ Mức chi phí khác: </p> <p>+ Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: </p>

	<p>.....</p> <p>- Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: Không</p>
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nội dung quy định:</p> <p>.....</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>.....</p>
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do: Quy định mẫu đề nghị để người nộp thuế dễ thực hiện, đảm bảo tính thống nhất</p>
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất	<p>- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:</p> <p>+ Nội dung thông tin: xác định người nộp thuế thuộc đối tượng gia hạn đối với từng khoản thu, sắc thuế</p> <p>Lý do quy định: Để Cơ quan thuế có thông tin để thực hiện gia hạn cho người nộp thuế.</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>.....</p>
d) Ngôn ngữ	<p>- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/> Nêu rõ loại song ngữ:</p> <p>.....</p> <p>Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):</p> <p>.....</p>
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định:</p>
a) Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Lý do quy định:</p> <p>- Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:</p> <p>+ Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>.....</p> <p>+ Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>+ Thực hiện công việc khác (nếu rõ):</p> <p>.....</p>
11. Kết quả thực hiện: Hồ sơ gửi đến Cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.	

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Họ và tên người điền: Phạm Thị Hồng

Điện thoại cố định: 024.39718806 (máy lẻ 4094); Di động: 0912.861.040; E-mail:
pthong@gdt.gov.vn

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Gia hạn nộp thuế

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

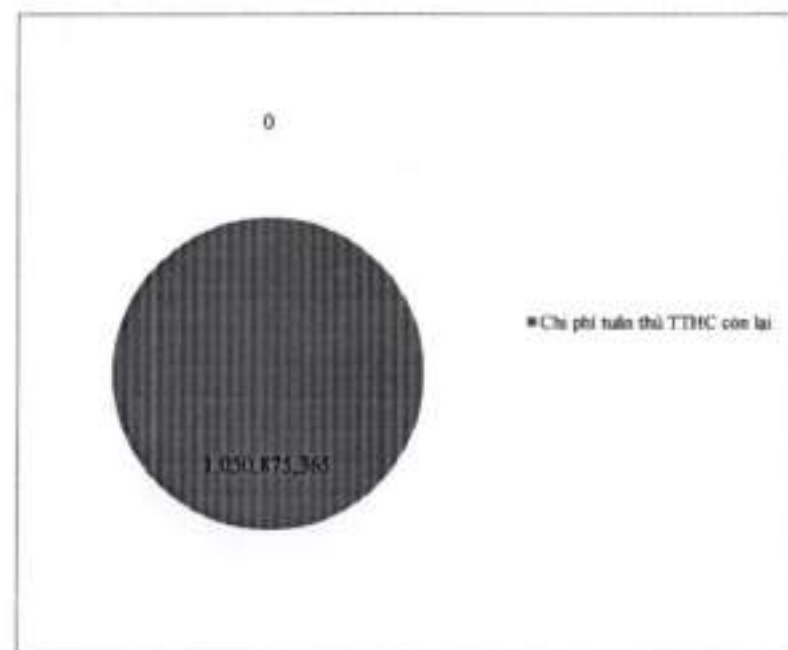
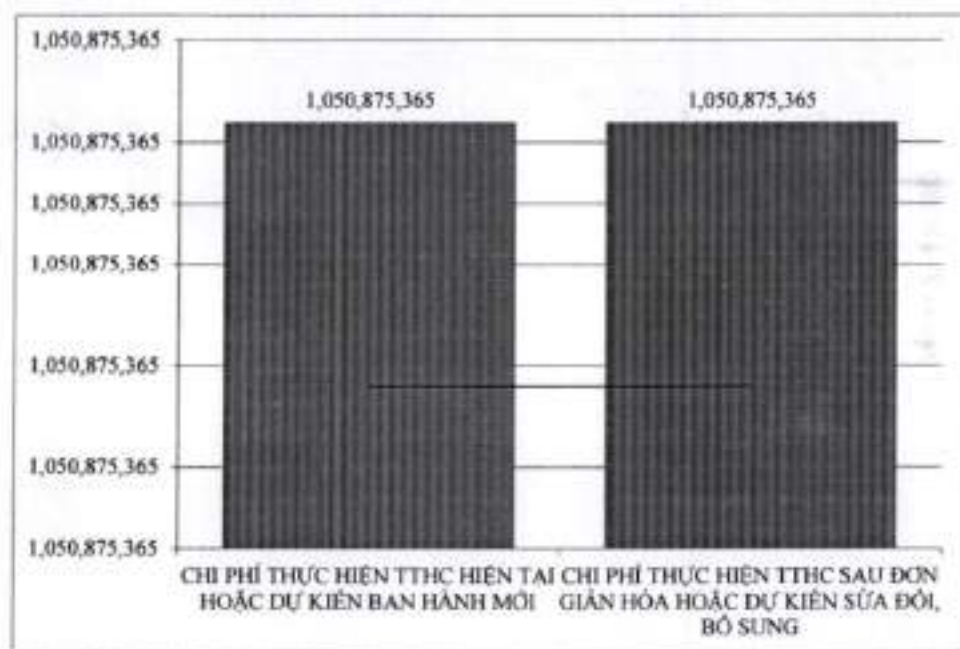
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ /01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuế tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ									992,493,401	
1.1	Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuế đất năm 2024		0.17	48,250			1	121,000	8,202	992,493,401	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp							-	-	
		Bưu chính							-	-	
		Điện tử	0.01	48,250			1	121,000	482	58,381,965	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác										
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
		Hoạt động 1									
		Hoạt động n									
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp							-	-	
		Bưu chính							-	-	
		Điện tử							-	-	
TỔNG										1,050,875,365	

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU DỰ KIẾN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ /01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuế tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuần thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ									992,493,401	
	Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuế đất năm 2025		0,17	48,250			1	121,000	8,202	992,493,401	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp							-	-	
		Bưu chính							-	-	
		Điện tử	0,01	48,250			1	121,000	482	58,381,965	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										
3.1	Phí										
3.2	Lệ phí										
3.3	Chi phí khác										
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)										
		Hoạt động 1									
		Hoạt động n									
5	Công việc khác (nếu có)										
6	Nhận kết quả	Trực tiếp							-	-	
		Bưu chính							-	-	
		Điện tử							-	-	
TỔNG										1,050,875,365	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và sau dự kiến sửa đổi, bổ sung



Số: 877/VPCP-KTTH
V/v xây dựng các Nghị định của
Chính phủ theo trình tự,
thủ tục rút gọn

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2025

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Xét đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số 1148/BTC-TCT ngày 24 tháng 01 năm 2025 về việc xây dựng Nghị định của Chính phủ theo trình tự, thủ tục rút gọn, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc có ý kiến như sau:

Đồng ý áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với việc xây dựng, ban hành Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2025 và Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước theo đề xuất của Bộ Tài chính tại văn bản nêu trên. Bộ Tài chính khẩn trương chủ trì, phối hợp Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan liên quan, khẩn trương xây dựng, hoàn thiện các dự thảo Nghị định trên theo quy định, trình Chính phủ trước ngày 28 tháng 02 năm 2025.

Văn phòng Chính phủ thông báo để Bộ Tài chính biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để phối hợp);
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân, Trợ lý TTgCP, các Vụ: PL, TH;
- Lưu: VT, KTTH (2)Trang.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Mai Thị Thu Vân



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 144/V/BTC-TCT

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

V/v xây dựng nghị định của Chính phủ
phù theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai nhiệm vụ được giao tại tiết 2 điểm b mục 1 phần I Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ về Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2024, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ về xây dựng nghị định của Chính phủ về gia hạn nộp thuế theo trình tự, thủ tục rút gọn như sau:

1. Sự cần thiết ban hành nghị định của Chính phủ về gia hạn nộp thuế

Tại tiết 2 điểm b mục 1 phần I Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ về Nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2024 giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương tổng kết, đánh giá và tham mưu, đề xuất ban hành chính sách gia hạn thuế trong năm 2025 để có thể triển khai ngay từ đầu năm.

Tại điểm a khoản 2 mục II Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 có nêu: "Nghiên cứu, đánh giá đề đề xuất, xem xét việc kéo dài các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuế đất... hỗ trợ tăng trưởng, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh."

Trong các năm qua, trước ảnh hưởng của dịch Covid-19 và tác động của các vấn đề kinh tế, chính trị quốc tế đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân. Căn cứ quy định tại Điều 63 Luật Quản lý thuế¹, từ năm 2020 đến năm 2024, hằng năm Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ ban hành 02 Nghị định quy định về gia hạn thời hạn nộp thuế

¹ Điều 63. Gia hạn nộp thuế trong trường hợp đặc biệt

Chính phủ quyết định việc gia hạn nộp thuế cho các đối tượng, ngành, nghề kinh doanh gặp khó khăn đặc biệt trong từng thời kỳ nhất định. Việc gia hạn nộp thuế không dẫn đến điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước đã được Quốc hội quyết định.

nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh cân đối nguồn tài chính để tập trung hồi phục sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế².

Các chính sách gia hạn nộp thuế được ban hành trong các Nghị định của Chính phủ thời gian qua được xã hội và cộng đồng doanh nghiệp đánh giá là có hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp doanh nghiệp có thêm nguồn vốn ngắn hạn thông qua việc chưa phải nộp ngay số thuế phát sinh vào ngân sách nhà nước. Từ đó tạo đà thúc đẩy phát triển kinh tế, trong khi vẫn đảm bảo giảm thiểu tác động cân đối ngân sách nhà nước (không dẫn đến điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước đã được Quốc hội quyết định).

Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chính sách gia hạn nộp thuế trong 03 năm qua như sau:

Năm 2022: Số thuế tiêu thụ đặc biệt được gia hạn theo Nghị định 32/2022/NĐ-CP là hơn 9.600 tỷ đồng, Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân, tiền thuê đất được gia hạn theo Nghị định 34/2022/NĐ-CP là hơn 107.300 tỷ đồng.

Năm 2023: Số thuế tiêu thụ đặc biệt được gia hạn theo Nghị định 32/2022/NĐ-CP là gần 8.100 tỷ đồng, Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân, tiền thuê đất được gia hạn theo Nghị định 12/2023/NĐ-CP là gần 97.000 tỷ đồng.

Năm 2024: Số thuế tiêu thụ đặc biệt được gia hạn theo Nghị định 65/2024/NĐ-CP là gần 13.200 tỷ đồng, Tổng số tiền thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân, tiền thuê đất được gia hạn theo Nghị định 64/2024/NĐ-CP là hơn 78.300 tỷ đồng.

Tính đến thời điểm ngày 06/01/2025, số thuế được gia hạn của năm 2022 và 2023 đã được nộp ngân sách nhà nước với tỷ lệ cụ thể như sau: Đối với thuế TTĐB được gia hạn đã được nộp đủ (100%) vào ngân sách nhà nước. Đối với tiền thuê đất, năm 2022 tỉ lệ thu hồi số được gia hạn đạt 99,2%, năm 2023 tỉ lệ thu hồi số được gia hạn đạt 98,2%. Đối với các khoản thuế còn lại (GTGT, TNDN, TNCN), năm 2022 tỉ lệ thu hồi số được gia hạn đạt 99,4%, năm 2023 tỉ lệ thu hồi số được gia hạn đạt 97,9%.

² - Về gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất, Chính phủ đã ban hành: Nghị định số 41/2020/NĐ-CP, Nghị định số 52/2021/NĐ-CP, Nghị định số 34/2022/NĐ-CP, Nghị định số 12/2023/NĐ-CP, Nghị định số 64/2024/NĐ-CP.

- Về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước, Chính phủ đã ban hành: Nghị định số 109/2020/NĐ-CP, Nghị định số 104/2021/NĐ-CP, Nghị định số 32/2022/NĐ-CP, Nghị định số 36/2023/NĐ-CP, Nghị định số 65/2024/NĐ-CP.

Số tiền thuế và tiền thuế đất được gia hạn trong năm 2024 đã được nộp ngân sách nhà nước với tỷ lệ cụ thể như sau: Thuế TTDB đạt xấp xỉ 100%, thuế GTGT đạt 41,1%, thuế TNDN đạt 87,6%, tiền thuế đất đạt 40,2%, tiền thuế GTGT và thuế TNCN của hộ kinh doanh đạt 62,1%. Hiện nay, cơ quan thuế đang quyết liệt thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ đọng còn lại của các trường hợp được gia hạn trong năm 2024.

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2024 đã có sự tăng trưởng tương đối khả quan. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Ổn định kinh tế vĩ mô còn tiềm ẩn rủi ro và chịu nhiều áp lực lớn; tăng trưởng tín dụng còn khó khăn, nợ xấu có nguy cơ gia tăng; giải ngân vốn đầu tư công thấp hơn so với cùng kỳ năm 2023. Thị trường bất động sản đã có chuyển biến nhưng chưa rõ nét; áp lực lớn trả nợ trái phiếu doanh nghiệp đến hạn. Sản xuất nông nghiệp, du lịch tại một số địa phương bị ảnh hưởng nặng nề do thiên tai, bão lũ; sức ép cạnh tranh gia tăng. Xuất khẩu dự báo khó khăn hơn trong thời gian tới do yếu tố bên ngoài. Nhiều dự án gặp khó khăn, vướng mắc về pháp lý nhưng chưa được kịp thời tháo gỡ.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh trong một số ngành, lĩnh vực còn khó khăn, sản lượng giảm hoặc không tăng so với năm 2023 như ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, khai thác dầu thô và khí thiên nhiên, sản xuất sắt thép, sản xuất máy công cụ, sản xuất thuốc lá điếu, sản xuất đồ uống,... Ngành du lịch chưa khởi sắc do số lượt khách du lịch nội địa tăng chậm (tăng 1,7% so với năm 2023), sản xuất ô tô chỉ tăng 2,94% so với năm 2023.

Trên cơ sở đánh giá hiệu quả chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế trong các năm qua có thể thấy chính sách gia hạn nộp thuế và tiền thuế đất mặc dù gia tăng áp lực cho cơ quan thuế trong việc đôn đốc, thu hồi số tiền thuế được gia hạn nhưng đã có tác dụng trực tiếp góp phần hỗ trợ doanh nghiệp cân đối nguồn tiền, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế vĩ mô năm 2025, bên cạnh giải pháp giảm thuế đã được Quốc hội thông qua, Chính phủ tiếp tục chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuế đất cho năm 2025, như giải pháp chính sách đã thực hiện trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024 là cần thiết.

2. Căn cứ xây dựng nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn

Khoản 44, khoản 45 Điều 1 Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

"44. Sửa đổi, bổ sung Điều 146 như sau:

"Điều 146. Các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn..."

45. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 147 như sau:

"3. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với thông tư của Bộ trưởng. Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành trong trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn quy định tại khoản 1 Điều 146 của Luật này."

Việc ban hành chính sách gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất nhằm hỗ trợ tăng trưởng, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh thuộc trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn quy định tại khoản 1 Điều 146 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 44 Điều 1 Luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020). Trường hợp không kịp thời ban hành Nghị định để áp dụng ngay từ những tháng đầu năm 2025 sẽ làm giảm hiệu quả của chính sách gia hạn do thời gian được gia hạn bị rút ngắn, tăng nguy cơ nợ đọng số thuế được gia hạn vào thời điểm cuối năm, ảnh hưởng tới việc thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2025 đã được Quốc hội quyết định.

Như vậy, Chính phủ ban hành nghị định quy định về gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất áp dụng cho năm 2025 nhằm giải quyết vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn và phù hợp với thẩm quyền được giao của Chính phủ theo quy định tại Điều 63 Luật Quản lý thuế. Việc xây dựng nghị định quy định về gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo trình tự, thủ tục rút gọn là phù hợp quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Đề xuất của Bộ Tài chính

Để thực hiện quyết nghị của Chính phủ tại Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 12/11/2024, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 kịp thời gia hạn nộp thuế cho doanh nghiệp, tổ chức cá nhân ngay từ những tháng đầu năm để hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép được xây dựng 02 Nghị định sau theo trình tự, thủ tục rút gọn và các Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Nội dung cụ thể như sau:

a) Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất

- Tên Nghị định:

Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2025.

- Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị định:

+ Đối tượng được gia hạn: Các đối tượng như quy định tại Điều 3 Nghị định số 64/2024/NĐ-CP gồm: Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân hoạt động sản xuất trong các ngành kinh tế: Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Sản xuất, chế biến thực phẩm; dệt; sản xuất trang phục; Xây dựng; Khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên; Sản xuất đồ uống;....

+ Phạm vi: Nghị định này quy định việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất áp dụng cho năm 2025.

- Nội dung chính của Nghị định:

Gia hạn tối đa 06 tháng đối với số thuế giá trị gia tăng từ tháng 2 đến tháng 6 và quý I, quý II năm 2025; Gia hạn 05 tháng đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của quý I và quý II kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025; Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với số tiền thuế phải nộp phát sinh năm 2025 của hộ kinh doanh, cá nhân đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Gia hạn 06 tháng đối với 50% số tiền thuế đất phát sinh phải nộp năm 2025 (số phải nộp kỳ thứ nhất năm 2025).

- Cơ quan chủ trì soạn thảo: Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ liên quan trình Chính phủ hồ sơ dự thảo Nghị định trong tháng 02 năm 2025.

b) Gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước

- Tên Nghị định: Gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước.

- Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị định:

+ Đối tượng được gia hạn: doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước

+ Phạm vi: Nghị định này quy định việc gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước.

- Nội dung chính của Nghị định:

Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp phát sinh của kỳ tính thuế từ tháng 2 đến tháng 6 năm 2025 đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước. Thời gian gia hạn kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế đến hết ngày 20 tháng 10 năm 2025.

- Cơ quan chủ trì soạn thảo: Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ liên quan trình Chính phủ hồ sơ dự thảo Nghị định trong tháng 02 năm 2025.

Bộ Tài chính xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo để Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính Phủ (để phối hợp);
- Vụ Pháp chế - BTC;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS).

(6)

